

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **294/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 26/9/2023

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Bàn Thị M và anh Bàn Văn C”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Cao Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Vân Anh

2. Ông Hoàng Văn Thiết

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án thụ lý số 138/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị M, sinh năm 1995

HKTT: Thôn Kh, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Bàn Văn C, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Kh, xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh C vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn, chị Bàn Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Bàn Văn C có quan hệ hôn nhân hợp pháp, cả hai được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H ngày 04 tháng 7 năm 2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống tại thôn Kh, xã Th, huyện H; năm 2017 chị đi làm công ty bắt đầu từ đó vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất được về

việc làm ăn kinh tế, vợ chồng hay cãi nhau, đánh nhau; hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng không hoà giải được mâu thuẫn. Đến nay chị xác định vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm, không thể quay về chung sống, tình cảm vợ chồng không còn. Nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn C.

Về con chung: Chị Bàn Thị M xác định chị và anh Bàn Văn C có 02 con chung, cháu Bàn Trung K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013; cháu Bàn Minh L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016. Theo Đơn khởi kiện chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung; tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2023 chị thay đổi ý kiến, đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Trung K, anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Minh L, chị và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị xác nhận hiện nay chị đi làm công ty lương tháng 15.000.000 đồng/tháng; chị có cung cấp cho Toà án bảng lương 03 tháng gần nhất của chị.

Về tài sản, vay nợ chung: Chị Bàn Thị M xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Ý kiến của anh Bàn Văn C thể hiện tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/8/2023: Anh xác định anh và chị Bàn Thị M có quan hệ vợ chồng hợp pháp, kết hôn năm 2013 có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn đúng quy định. Quá trình chung sống đến năm 2020 chị M đi làm công ty thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị M đi làm về nhà bố mẹ đẻ ở, không về nhà nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nữa, chị M xin ly hôn anh nhất trí, đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị M ly hôn.

Về con chung: Anh xác định anh và chị M có 02 con chung, cháu Bàn Trung K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013; cháu Bàn Minh L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân cả 02 con chung của anh và chị M ở với anh, do anh nuôi dưỡng, hàng ngày đi làm anh gửi bố mẹ anh chăm sóc. Khi ly hôn anh đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, chị M cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng/cháu. Anh xác nhận hiện nay anh đi làm nghề tự do, cắt gỗ thuê thu nhập 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh xác định anh và chị M có tài sản chung là nhà ở, nhà xây trên đất của bố mẹ anh, anh và chị M tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh xác định anh và chị M không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện H đã gửi văn bản tố tụng nhưng anh Bàn Văn C không đến Toà án để làm việc. Toà án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định. Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại thôn Kh, xã Th, huyện H và xác minh đối

với bà Đặng Thị G là mẹ đẻ của anh C. Kết quả xác minh thể hiện, anh C hiện nay có nơi cư trú tại thôn Kh, xã Th. Anh C và chị M có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn từ năm 2013; vợ chồng chị M và anh C có mâu thuẫn; về con chung của chị M và anh C đúng như các đương sự đã trình bày; chị M và anh C có tài sản chung, vay nợ của vợ chồng không thấy có thông tin gì.

Cháu Bàn Trung K và cháu Bàn Minh L trình bày ý kiến, nếu bố mẹ không chung sống với nhau cháu muốn ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Bàn Văn C; về con chung: Giao cháu Bàn Trung K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Bàn Minh L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, anh C và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các nội dung về tài sản chung, vay nợ chung ý kiến trình bày của chị M và anh C tự thỏa thuận về tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh C không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến của các đương sự, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị M và anh Bàn Văn C tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 04 tháng 7 năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trầm trọng. Từ cuối năm 2020 đến nay chị M và anh C đã ly thân, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc,

tiền bộ. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, xử cho chị M ly hôn với anh C.

[2] Về con chung: Chị Bàn Thị M và anh Bàn Văn C đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung, cháu Bàn Trung K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013; cháu Bàn Minh L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016, từ khi anh C và chị M ly thân các cháu ở với anh C, hàng ngày bố mẹ để anh C trông nom, chăm sóc; anh C làm nghề tự do đi làm mấy ngày về một lần; anh C đề nghị được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cả 02 con chung 3.000.000 đồng/tháng. Chị M hiện đang đi làm công ty, thu nhập đạt 15.000.000 đồng/tháng, chị M có xuất trình bảng lương của chị M; chị M đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Mặc dù cháu K và cháu L, cả 02 cháu đều có ý kiến muốn được ở với bố vì ở với bố các cháu đã quen. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện sống lâu dài của các cháu, trên cơ sở xem xét hoàn cảnh, nghề nghiệp, thu nhập của anh C và chị M cũng như sự phát triển cho trẻ nhỏ. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đề nghị của chị M, giao cháu Bàn Trung K cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Bàn Minh L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Bàn Thị M và anh Bàn Văn C đều xác định không đề nghị giải quyết về tài sản, đất đai chung không đề nghị Tòa án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung; không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Bàn Văn C vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị M và anh C, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Kết quả xác minh đã thể hiện anh C có nơi cư trú tại thôn Kh, xã Th, huyện H, anh C đi làm vẫn về nhà. Các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt.

Tại phiên tòa chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa của chị M không trái với các quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị M được ly hôn với anh Bàn Văn C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2013 do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 04 tháng 7 năm 2013 cho chị Bàn Thị M và anh Bàn Văn C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Bàn Trung K, sinh ngày 09 tháng 10 năm 2013 cho chị Bàn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Bàn Minh L, sinh ngày 04 tháng 5 năm 2016 cho anh Bàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh C và chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu; anh C và chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bàn Thị M phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0006612 ngày 09 tháng 06 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã Th (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Hoàng Cao Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

